

Số: 1695/QĐ-TCTK

Hà Nội, ngày 31 tháng 12 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH

Về việc tiến hành Điều tra nông thôn, nông nghiệp giữa kỳ
thời điểm 01/7/2020

VP.UBND TỈNH BẮC GIANG	
ĐẾN	Số: 11253
	Ngày: 01/15/2020
Chuyên:	

TỔNG CỤC TRƯỞNG TỔNG CỤC THỐNG KÊ

Căn cứ Luật Thống kê ngày 23 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 97/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định nội dung chỉ tiêu thống kê thuộc Hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia;

Căn cứ Quyết định số 54/2010/QĐ-TTg ngày 24 tháng 8 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Tổng cục Thống kê trực thuộc Bộ Kế hoạch và Đầu tư; Quyết định số 65/2013/QĐ-TTg ngày 11 tháng 11 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ sửa đổi, bổ sung Điểm a Khoản 1 Điều 3 Quyết định số 54/2010/QĐ-TTg ngày 24 tháng 8 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Tổng cục Thống kê trực thuộc Bộ Kế hoạch và Đầu tư;

Căn cứ Quyết định số 43/2016/QĐ-TTg ngày 17 tháng 10 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Chương trình điều tra thống kê quốc gia;

Căn cứ Quyết định số 1793/QĐ-BKHĐT ngày 12 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư về ủy quyền cho Tổng cục trưởng Tổng cục Thống kê ký quyết định tiến hành điều tra thống kê được phân công trong Chương trình điều tra thống kê quốc gia;

Căn cứ Quyết định số 748/QĐ-TCTK ngày 30 tháng 5 năm 2019 của Tổng cục trưởng Tổng cục Thống kê về việc ban hành Kế hoạch điều tra thống kê năm 2020 của Tổng cục Thống kê;

Xét đề nghị của Vụ trưởng Vụ Thống kê Nông, Lâm nghiệp và Thủy sản,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Tiến hành Điều tra nông thôn, nông nghiệp giữa kỳ thời điểm 01/7/2020 trên phạm vi 63 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương theo Phương án điều tra ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Thành lập Tổ Công tác chỉ đạo cuộc điều tra cấp Trung ương (Tổ Công tác cấp Trung ương) do Vụ trưởng Vụ Thống kê Nông, Lâm nghiệp và Thủy sản làm Tổ trưởng; Vụ trưởng Vụ Phương pháp chế độ thống kê và

Công nghệ thông tin, Chánh Văn phòng Tổng cục, Vụ trưởng Vụ Kế hoạch tài chính, Vụ trưởng Vụ Pháp chế và Thanh tra thống kê, Giám đốc Trung tâm Tin học thống kê khu vực I, Đại diện Lãnh đạo Vụ Kế hoạch (Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn) làm thành viên. Tổ Công tác cấp Trung ương có trách nhiệm giúp Tổng cục trưởng Tổng cục Thống kê chỉ đạo thực hiện cuộc điều tra trên phạm vi cả nước.

Giao Cục trưởng Cục Thống kê tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm triển khai cuộc điều tra tại địa phương theo Phương án điều tra và hướng dẫn của Tổ Công tác cấp Trung ương.

Cục trưởng Cục Thống kê tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có trách nhiệm thành lập Tổ Công tác cấp tỉnh để giúp chỉ đạo điều tra ở địa phương. Tổ Công tác cấp tỉnh do Trưởng Phòng Thống kê Nông nghiệp làm Tổ trưởng; các thành viên tổ công tác do Cục trưởng cục Thống kê tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương quyết định. Tổ Công tác cấp tỉnh chịu sự điều hành trực tiếp của Cục trưởng Cục Thống kê tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và chịu sự giám sát của Tổ Công tác cấp Trung ương.

Tổ Công tác cấp Trung ương và Tổ công tác cấp tỉnh tự giải thể sau khi hoàn thành nhiệm vụ.


Điều 3. Giao Vụ Thống kê Nông, Lâm nghiệp và Thủy sản chủ trì, phối hợp Tổ Công tác cấp Trung ương, đơn vị có liên quan của Tổng cục Thống kê, và các Cục Thống kê tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương tổ chức thực hiện điều tra đúng Phương án.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 5. Vụ trưởng Vụ Thống kê Nông, Lâm nghiệp và Thủy sản, Vụ trưởng Vụ Phương pháp chế độ thống kê và Công nghệ thông tin, Chánh Văn phòng Tổng cục, Vụ trưởng Vụ Kế hoạch tài chính, Vụ trưởng Vụ Pháp chế và Thanh tra thống kê, Giám đốc Trung tâm Tin học thống kê khu vực I, Cục trưởng Cục Thống kê tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và Thủ trưởng đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 5;
- Bộ trưởng Nguyễn Chí Dũng (để báo cáo);
- Lãnh đạo Tổng cục Thống kê;
- Vụ Kế hoạch (Bộ Nông nghiệp & PTNT) (để phối hợp thực hiện);
- UBND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (để phối hợp chỉ đạo);
- Lưu: VT, NLTS.

TỔNG CỤC TRƯỞNG

Nguyễn Bích Lâm

PHƯƠNG ÁN ĐIỀU TRA
NÔNG THÔN, NÔNG NGHIỆP GIỮA KỲ NĂM 2020
(Ban hành theo Quyết định số 1695/QĐ-TCTK ngày 31 tháng 12 năm 2019 của
Tổng cục trưởng Tổng cục Thống kê)

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU ĐIỀU TRA

1. Mục đích điều tra

Điều tra nông thôn, nông nghiệp giữa kỳ thời điểm 1/7/2020 (viết gọn là ĐTNNGK 2020) thu thập thông tin cơ bản về nông thôn và sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản (viết gọn là nông nghiệp) nhằm đáp ứng ba mục đích chính sau:

- *Thứ nhất*, tổng hợp, biên soạn các chỉ tiêu trong Hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia; phân tích và dự báo tình hình phát triển nông thôn, nông nghiệp trên phạm vi cả nước và từng địa phương;

- *Thứ hai*, đáp ứng nhu cầu thông tin phục vụ đánh giá kết quả thực hiện kế hoạch phát triển nông thôn, nông nghiệp giai đoạn 2016-2020 và xây dựng kế hoạch giai đoạn 2021-2025; phục vụ giám sát các mục tiêu phát triển bền vững trong lĩnh vực nông thôn, nông nghiệp của Việt Nam và thực hiện so sánh quốc tế;

- *Thứ ba*, cung cấp thông tin phục vụ xây dựng cơ sở dữ liệu về nông thôn và nông nghiệp; xây dựng dàn chọn mẫu cho một số cuộc điều tra trong lĩnh vực nông nghiệp và các yêu cầu thống kê khác.

2. Yêu cầu điều tra

a. Công tác tổ chức, thu thập thông tin, xử lý số liệu, tổng hợp, công bố và lưu trữ dữ liệu điều tra phải thực hiện nghiêm túc, theo đúng quy định của Phương án điều tra; bảo mật thông tin thu thập từ các đối tượng điều tra theo quy định của Luật Thống kê;

b. Thông tin từ kết quả điều tra phải đảm bảo đầy đủ theo phạm vi, nội dung của Phương án; đảm bảo tính chính xác, kịp thời và phản ánh sát thực tế;

c. Việc quản lý và sử dụng kinh phí bảo đảm đúng chế độ hiện hành, sử dụng tiết kiệm, hiệu quả.

II. PHẠM VI, ĐỐI TƯỢNG, ĐƠN VỊ ĐIỀU TRA

1. Phạm vi điều tra

Cuộc ĐTNNGK 2020 tiến hành trên phạm vi 63 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (viết gọn là tỉnh) đối với các hộ mẫu có hoạt động sản xuất nông nghiệp; toàn bộ trang trại, UBND xã.

2. Đối tượng điều tra

- Lao động của hộ có hoạt động sản xuất nông nghiệp và trang trại;
- Điều kiện sản xuất của hộ có hoạt động sản xuất nông nghiệp;
- Điều kiện và kết quả sản xuất của trang trại;
- Kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội nông thôn;
- Điều kiện sống của cư dân nông thôn.

3. Đơn vị điều tra

- Hộ có hoạt động sản xuất nông nghiệp;
- Trang trại;
- UBND xã.

III. NỘI DUNG ĐIỀU TRA, PHIẾU ĐIỀU TRA

1. Nội dung điều tra

Cuộc điều tra tập trung vào 3 nhóm thông tin lớn sau:

1.1. Thông tin thực trạng sản xuất nông nghiệp

- Đơn vị sản xuất: Số lượng đơn vị (hộ, trang trại); ngành sản xuất chính của hộ; loại trang trại; nguồn thu nhập lớn nhất của hộ; quy mô thu nhập của hộ từ sản xuất nông nghiệp;

- Lao động: Giới tính, độ tuổi, trình độ chuyên môn kỹ thuật, việc làm (theo hoạt động, ngành sản xuất), hình thức làm việc (tự làm; nhận tiền công, tiền lương);

- Đất nông nghiệp và diện tích sản xuất nông nghiệp: Diện tích đất sử dụng theo loại đất, hiện trạng pháp lý của đất sản xuất nông nghiệp (quyền sử dụng đất, thuê, mượn); diện tích gieo trồng một số cây hàng năm chủ yếu; diện tích hiện có của một số cây lâu năm chủ yếu; diện tích cây trồng nông nghiệp được tưới tiêu chủ động; diện tích nuôi trồng thủy sản phân theo loại mặt nước (mặn, lợ, ngọt), nhóm thủy sản, phương thức nuôi;

- Số lượng gia súc, gia cầm chủ yếu;

- Số lượng và công suất máy móc thiết bị chủ yếu dùng cho sản xuất nông nghiệp;

- Thông tin về hoạt động trợ giúp cho sản xuất nông nghiệp: Hệ thống thủy lợi; khuyến nông, lâm ngư và thú y; liên kết, hợp tác trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm; nhu cầu vay vốn và nguồn vay chủ yếu cho sản xuất nông nghiệp;

- Thông tin chuyên sâu đánh giá hoạt động sản xuất nông nghiệp của hộ có hoạt động sản xuất nông nghiệp theo hướng bền vững và hiệu quả thông qua ba khía cạnh: kinh tế, xã hội, môi trường.

1.2. Thông tin về nông thôn

- Số hộ, nhân khẩu; số hộ nghèo, hộ cận nghèo;

- Kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội nông thôn: Hệ thống điện; đường giao thông; trường học, giáo dục mầm non; cơ sở vật chất văn hóa, thông tin, y tế;

- Thông tin hỗ trợ sản xuất ở nông thôn: Chợ, siêu thị, cửa hàng tiện lợi; ngân hàng, tổ chức tín dụng khác;

- Thông tin về các hình thức phát triển kinh tế nông thôn: Cơ sở, doanh nghiệp chế biến nông sản, lâm sản, thủy sản và muối biển; kinh tế tập thể và làng nghề; chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP);

- Thông tin khác về nông thôn: Vệ sinh môi trường nông thôn; cơ sở vật chất, điều kiện làm việc của UBND xã; thông tin về ảnh hưởng của biến đổi khí hậu;...

1.3. Thông tin về cư dân nông thôn

- Số hộ dùng điện, số hộ dùng nước máy; số hộ sử dụng nước từ công trình cấp nước sinh hoạt tập trung; số hộ được hỗ trợ xây dựng, sửa chữa nhà ở;

- Số lượt người khám chữa bệnh tại trạm y tế xã;

- Số lượt người được tập huấn, dạy nghề miễn phí;

- Số hộ vay vốn và nguồn vay ưu đãi;

- Thông tin cơ bản một số chức danh lãnh đạo xã;....

2. Phiếu điều tra

ĐTNNKG 2020 sử dụng 04 loại phiếu điều tra sau:

(1) Phiếu số 01/ĐTNNKG-HO: Phiếu thu thập thông tin về tình hình cơ bản của hộ (viết gọn là Phiếu hộ ngắn);

(2) Phiếu số 02/ĐTNNKG-HO: Phiếu thu thập thông tin chuyên sâu về hoạt động sản xuất của hộ (viết gọn là Phiếu hộ dài);

(3) Phiếu số 03/ĐTNNKG-TT: Phiếu thu thập thông tin về trang trại (viết gọn là Phiếu trang trại);

(4) Phiếu số 04/ĐTNNKG-XA: Phiếu thu thập thông tin về tình hình cơ bản và kết cấu hạ tầng của xã (viết gọn là Phiếu xã).

(Nội dung và giải thích các phiếu trong tài liệu kèm theo).

IV. THỜI ĐIỂM, THỜI KỲ THU THẬP SỐ LIỆU VÀ THỜI GIAN ĐIỀU TRA

1. Thời điểm

Thời điểm điều tra là 0 giờ ngày 1/7/2020. Những chỉ tiêu theo thời điểm được thu thập là thông tin thực tế tại thời điểm điều tra.

2. Thời kỳ thu thập số liệu

Những chỉ tiêu thu thập theo thời kỳ là thông tin phát sinh trong 12 tháng trước thời điểm điều tra hoặc số chính thức năm 2019 được quy định cụ thể trong từng loại phiếu điều tra.

3. Thời gian điều tra

Thời gian thu thập thông tin tối đa 20 ngày, bắt đầu từ ngày 1/7/2020 và kết thúc ngày 20/7/2020.

V. CÁC BẢNG PHÂN LOẠI, DANH MỤC SỬ DỤNG TRONG ĐIỀU TRA

Các bảng danh mục cho Cuộc điều tra được áp dụng gồm:

(1) Danh mục các đơn vị hành chính Việt Nam ban hành theo Quyết định số 124/2004/QĐ-TTg ngày 08/7/2004 của Thủ tướng Chính phủ và được cập nhật đến thời điểm điều tra;

(2) Danh mục giáo dục đào tạo của Hệ thống giáo dục quốc dân ban hành theo Quyết định số 01/2017/QĐ-TTg ngày 17/01/2017 của Thủ tướng Chính phủ;

(3) Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam ban hành theo Quyết định số 27/2018/QĐ-TTg ngày 06 tháng 7 năm 2018 của Thủ tướng Chính phủ;

(4) Hệ thống ngành sản phẩm Việt Nam ban hành theo Quyết định số 43/2018/QĐ-TTg ngày 01 tháng 11 năm 2018 của Thủ tướng Chính phủ;

(5) Danh mục các thành phần dân tộc Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 121-TCTK/PPCĐ ngày 02/3/1979 của Tổng cục trưởng Tổng cục Thống kê;

(6) Danh mục nghề nghiệp Việt Nam ban hành theo Quyết định số 1019/QĐ-TCTK ngày 12/11/2008 của Tổng cục trưởng Tổng cục Thống kê.

VI. LOẠI ĐIỀU TRA, PHƯƠNG PHÁP THU THẬP THÔNG TIN

1. Loại điều tra

a. Điều tra toàn bộ

Các đơn vị thực hiện điều tra toàn bộ bao gồm:

- Trang trại;
- UBND xã.

b. Điều tra chọn mẫu

Điều tra chọn mẫu áp dụng đối với hộ có hoạt động sản xuất nông nghiệp, phương pháp chọn mẫu thực hiện theo phương pháp phân tầng hai giai đoạn.

- Giai đoạn 1: Xác định địa bàn điều tra mẫu

+ Đối với khu vực nông thôn: Sử dụng các địa bàn mẫu thuộc dàn mẫu chủ khu vực nông thôn của Tổng điều tra dân số và nhà ở năm 2019¹ (viết gọn là TĐTDS 2019) sau khi được cập nhật, rà soát; quy mô khoảng 10% tổng số địa bàn khu vực nông thôn của cả nước, đại diện đến cấp tỉnh.

+ Đối với khu vực thành thị: Tổng số địa bàn được lập trên cơ sở rà soát, tách, ghép địa bàn chứa hộ có hoạt động sản xuất nông nghiệp từ toàn bộ địa bàn thành thị của TĐTDS 2019. Quy mô địa bàn mẫu khoảng 20% tổng số địa bàn khu vực thành thị. Số địa bàn mẫu khu vực thành thị mỗi tỉnh được phân bổ tỷ lệ thuận với căn bậc hai của tổng số hộ có hoạt động sản xuất nông nghiệp khu vực thành thị của mỗi tỉnh.

- Giai đoạn 2: Chọn mẫu hộ có hoạt động sản xuất nông nghiệp.

Quy mô mẫu: Đối với thông tin Phiếu hộ ngắn, quy mô mẫu khoảng 1,4 triệu hộ, chiếm khoảng 10% toàn bộ hộ có hoạt động sản xuất nông nghiệp cả nước, thông tin suy rộng đại diện đến cấp tỉnh; thông tin Phiếu hộ dài, quy mô mẫu khoảng 45 nghìn hộ, chiếm 0,3% toàn bộ hộ có hoạt động sản xuất nông nghiệp cả nước, thông tin chủ yếu đại diện đến cấp tỉnh, thông tin còn lại đại diện đến cấp vùng.

Phương pháp chọn mẫu:

Mỗi địa bàn điều tra mẫu chọn ra 3 hộ mẫu theo phương pháp ngẫu nhiên đơn giản để điều tra Phiếu hộ dài, các hộ còn lại trong địa bàn điều tra Phiếu hộ ngắn.

(Phương pháp chọn mẫu và suy rộng kết quả điều tra được quy định chi tiết trong Quy trình chọn mẫu và suy rộng kết quả điều tra).

2. Phương pháp thu thập thông tin

Cuộc ĐTNNGK 2020 sử dụng hai phương pháp thu thập thông tin: Phỏng vấn trực tiếp và tự cung cấp thông tin trên Trang thông tin điện tử của Cuộc điều tra.

¹Dàn mẫu chủ của TĐTDS 2019 đại diện đến cấp tỉnh gồm khoảng 20.000 địa bàn, chiếm 10% tổng số địa bàn của cả nước (các địa bàn này được tách ghép từ địa bàn điều tra thực địa, tương đối đồng nhất về quy mô). Phân bổ địa bàn mẫu cho từng tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và theo khu vực thành thị, nông thôn bằng phương pháp căn bậc ba - xác suất tỷ lệ thuận với quy mô hộ theo tỉnh và theo khu vực.

- Phòng vấn trực tiếp (áp dụng cho đơn vị điều tra là hộ có hoạt động sản xuất nông nghiệp, trang trại): Điều tra viên đến từng hộ, trang trại gặp người cung cấp thông tin để phỏng vấn, kết hợp quan sát đối tượng điều tra và các tài liệu hiện có để ghi đầy đủ các câu trả lời vào phiếu điều tra điện tử được thiết kế trên máy tính, máy tính bảng hoặc điện thoại thông minh (áp dụng đối với hộ có hoạt động sản xuất nông nghiệp) và phiếu điều tra trực tuyến được thiết kế trên trang thông tin điện tử (áp dụng đối với trang trại).

- Tự cung cấp thông tin trên Trang thông tin điện tử (áp dụng đối với UBND xã): Người chịu trách nhiệm cung cấp thông tin Phiếu xã (thông thường là công chức Văn phòng - Thống kê xã) được cấp tài khoản và mật khẩu để đăng nhập và tự điền thông tin vào phiếu điều tra trên Trang thông tin điện tử của Cuộc điều tra.

VII. QUY TRÌNH XỬ LÝ THÔNG TIN

1. Xử lý thông tin phiếu điều tra

a. Hoàn thành dữ liệu các phiếu điều tra

- *Phiếu điều tra điện tử*: Trong quá trình điều tra thực địa, thông tin trên phiếu điện tử được điều tra viên hoàn thành và gửi về máy chủ của Tổng cục Thống kê. Tại đây, dữ liệu điều tra được giám sát viên các cấp kiểm tra, đánh mã, duyệt và nghiệm thu.

- *Phiếu điều tra trực tuyến*: Sau khi điều tra viên/người cung cấp thông tin hoàn thành điền thông tin trên máy tính, thông tin trên phiếu được lưu trữ trên máy chủ của Tổng cục Thống kê. Dữ liệu điều tra sẽ được giám sát viên các cấp kiểm tra, duyệt, nghiệm thu.

b. Tích hợp vào dữ liệu chung và chiết xuất dữ liệu

Dữ liệu điều tra phiếu điện tử và dữ liệu điều tra phiếu trực tuyến được tích hợp vào cơ sở dữ liệu chung ĐTNNGK 2020; được làm sạch, xử lý và tổng hợp kết quả điều tra.

Dữ liệu ĐTNNGK 2020 sau khi làm sạch được chiết xuất và lưu giữ dưới các định dạng: Excel, SPSS, STATA để phục vụ phân tích dữ liệu và viết báo cáo kết quả.

2. Xử lý dữ liệu bảng kê

Việc cập nhật và xử lý dữ liệu bảng kê hộ có hoạt động sản xuất nông nghiệp, trang trại được thực hiện theo phân cấp quản lý điều tra trên phần mềm lập bảng kê. Dữ liệu bảng kê được cập nhật đến khi kết thúc điều tra thực địa.

VIII. KẾ HOẠCH TIẾN HÀNH ĐIỀU TRA

Kế hoạch thực hiện các nội dung chính ĐTNNGK 2020 được thể hiện tại bảng dưới đây:

STT	Nội dung công việc	Thời gian	Đơn vị chủ trì
I	CÔNG TÁC CHUẨN BỊ		
1	Xây dựng Phương án	10-12/2019	TCTK
2	Thiết kế phiếu điều tra, giải thích phiếu điều tra, xây dựng các quy trình điều tra, biểu mẫu ra các phiếu điều tra	01-3/2020	TCTK
3	Xây dựng hệ thống phần mềm phục vụ công tác rà soát, lập bảng kê, thu thập thông tin, xử lý thông tin, công bố kết quả, điều hành, quản lý và giám sát Cuộc điều tra	01-6/2020	Các Trung tâm THPTK khu vực
4	Rà soát, xác định địa bàn điều tra; lập bảng kê hộ có hoạt động sản xuất nông nghiệp của địa bàn điều tra	3-5/2020	CTK
5	Lập bảng kê các trang trại	4-5/2020	CTK, CCTK
6	Nhập tin và hoàn thiện cơ sở dữ liệu bảng kê	5/2020	CCTK
7	Chọn mẫu hộ điều tra Phiếu hộ dài	6/2020	TCTK, CTK
8	Cập nhật đơn vị điều tra	6/2020	CTK, CCTK
9	Xây dựng và quản lý mạng lưới điều tra: địa bàn điều tra, tuyển chọn lực lượng điều tra viên giám sát viên; hoàn thiện cơ sở dữ liệu quản lý	4-6/2020	TCTK, CTK
II	TẬP HUẤN ĐIỀU TRA; TUYÊN TRUYỀN		
1	Tập huấn công tác rà soát, lập bảng kê các đơn vị điều tra	4-5/2020	CTK, CCTK
2	Tập huấn nghiệp vụ điều tra cho Cục Thống kê.	5/2020	TCTK
3	Tập huấn nghiệp vụ điều tra cho Chi cục Thống kê và điều tra viên	6/2020	CTK, CCTK
4	In và phát tài liệu điều tra	5-6/2020	Nhà xuất bản Thống kê
5	Tuyên truyền trên các phương tiện thông tin đại chúng về Cuộc điều tra	6-7/2020	TCTK, CTK
III	ĐIỀU TRA THỰC ĐỊA; KIỂM TRA, NGHIỆM THU PHIẾU		
1	Tiến hành thu thập thông tin các loại phiếu	7/2020	Điều tra viên
2	Kiểm tra, đánh mã, nghiệm thu phiếu điều tra	7/2020	TCTK, CTK, CCTK

STT	Nội dung công việc	Thời gian	Đơn vị chủ trì
IV	TỔNG HỢP, CÔNG BỐ KẾT QUẢ ĐIỀU TRA		
1	Xử lý số liệu điều tra	Từ tháng 8/2020	TCTK
2	Tổng hợp và công bố số liệu sơ bộ các chỉ tiêu chủ yếu	12/2020	TCTK, CTK
3	Xây dựng cơ sở dữ liệu điều tra, phân tích kết quả điều tra	01-3/2021	TCTK, CTK
4	Công bố số liệu chính thức	3/2021	TCTK, CTK
5	Xây dựng phần mềm khai thác dữ liệu; phân tích chuyên sâu kết quả điều tra	12/2021	TCTK

IX. TỔ CHỨC THỰC HIỆN ĐIỀU TRA

1. Thành lập Tổ công tác cấp Trung ương và cấp tỉnh

Việc thành lập Tổ công tác các cấp nhằm giúp lãnh đạo các cấp tổ chức thực hiện thắng lợi cuộc ĐTNNGK 2020 trên phạm vi cả nước và tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

a. Cấp Trung ương

Tổng cục trưởng Tổng cục Thống kê thành lập Tổ công tác cấp Trung ương do Vụ trưởng Vụ Thống kê Nông, Lâm nghiệp và Thủy sản làm Tổ trưởng; Vụ trưởng Vụ Phương pháp chế độ thống kê và Công nghệ thông tin, Vụ trưởng Vụ Kế hoạch tài chính, Vụ trưởng Vụ Pháp chế và Thanh tra Thống kê, Chánh Văn phòng Tổng cục, Giám đốc Trung tâm Tin học Thống kê khu vực I, đại diện Lãnh đạo Vụ Kế hoạch (Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn) làm thành viên.

Tổ công tác cấp Trung ương có trách nhiệm giúp Tổng cục trưởng chỉ đạo thực hiện Cuộc điều tra trên phạm vi cả nước.

b. Cấp tỉnh

Cục trưởng Cục Thống kê thành lập Tổ công tác cấp tỉnh giúp chỉ đạo điều tra trên địa bàn tỉnh, huyện. Tổ công tác cấp tỉnh do lãnh đạo Cục Thống kê phụ trách Phòng Thống kê Nông nghiệp làm Tổ trưởng; Lãnh đạo và chuyên viên Phòng Thống kê Nông nghiệp, Phòng Thanh tra, Phương pháp chế độ và Công nghệ thông tin; Lãnh đạo cấp phòng và chuyên viên của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn làm thành viên.

Tổ công tác cấp tỉnh chịu sự điều hành trực tiếp của Cục trưởng Cục Thống kê và chịu sự giám sát của Tổ công tác cấp Trung ương.

2. Xác định địa bàn điều tra mẫu và lập bảng kê các đơn vị điều tra

a. Đối với hộ điều tra mẫu

- *Xác định địa bàn điều tra mẫu:*

+ Khu vực nông thôn: Địa bàn điều tra mẫu là địa bàn thuộc dân mẫu chủ khu vực nông thôn của TĐTDS 2019 sau khi được rà soát, cập nhật.

+ Khu vực thành thị: Địa bàn điều tra mẫu là địa bàn được chọn mẫu từ các địa bàn được lập trên cơ sở rà soát, tách, ghép địa bàn chứa hộ có hoạt động sản xuất nông nghiệp từ toàn bộ địa bàn thành thị và các địa bàn khu vực nông thôn chuyển lên thành thị của TĐTDS 2019 có đến thời điểm lập bảng kê. Cụ thể việc tách, ghép địa bàn điều tra được quy định như sau:

(i) Sau khi rà soát, địa bàn từ 160 hộ có hoạt động sản xuất nông nghiệp trở lên, thực hiện tách địa bàn ban đầu thành một số địa bàn với quy ước mỗi địa bàn có quy mô không dưới 80 hộ;

(ii) Địa bàn dưới 80 hộ hoạt động sản xuất nông nghiệp, thực hiện ghép với một số địa bàn liên kề thành một địa bàn mới với quy ước mỗi địa bàn không quá 160 hộ.

Trường hợp một phường, thị trấn khi ghép hết các địa bàn với nhau nhưng vẫn dưới 80 hộ hoạt động sản xuất nông nghiệp thì được quy định là 01 địa bàn (không ghép địa bàn của phường, thị trấn này với địa bàn của phường, thị trấn khác tạo thành địa bàn mới).

- *Lập bảng kê hộ điều tra:*

+ Khu vực nông thôn: Tổ công tác cấp tỉnh chỉ đạo Chi cục Thống kê phối hợp với công chức Văn phòng - Thống kê xã, trưởng thôn (hoặc người được giao nhiệm vụ lập bảng kê) tiến hành rà soát các hộ trên địa bàn, hộ chuyển đi, hộ chuyển đến; hộ tách, nhập để xác định tổng số hộ trên địa bàn. Đồng thời, tiến hành rà soát danh sách và đến hộ xác định hộ có hoạt động sản xuất nông nghiệp để ghi chép, cập nhật thông tin vào bảng kê theo mẫu quy định;

+ Đối với khu vực thành thị: Người được giao nhiệm vụ lập bảng kê hộ có hoạt động sản xuất nông nghiệp phải trực tiếp đi đến từng hộ, gặp chủ hộ hoặc người am hiểu thông tin về sản xuất của hộ để hỏi, xác định và ghi chép thông tin vào bảng kê theo mẫu quy định.

(Nội dung về công tác lập bảng kê hộ được thể hiện chi tiết tại Quy trình xác định địa bàn và lập bảng kê các đơn vị điều tra).

Thời hạn: Cục Thống kê hoàn thành lập bảng kê và cập nhật vào phần mềm lập bảng kê **chậm nhất ngày 30/5/2020.**

- *Chọn hộ mẫu Phiếu hộ dài:*

Sau khi Cục Thống kê hoàn thành việc rà soát, cập nhật bảng kê hộ có hoạt động sản xuất nông nghiệp ở những địa bàn điều tra mẫu gửi vào trang điều hành tác nghiệp ĐTNNGK 2020, phần mềm tích hợp sẽ tự động tiến hành chọn các hộ điều tra mẫu Phiếu hộ dài theo từng địa bàn điều tra.

(Nội dung chọn mẫu được thể hiện tại Quy trình chọn mẫu và suy rộng kết quả điều tra).

b. Đối với các trang trại

Bảng kê trang trại được lập cho từng xã/phường/thị trấn. Căn cứ vào tiêu chí xác định kinh tế trang trại của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hiện hành, Tổ công tác cấp tỉnh chỉ đạo Chi cục Thống kê phối hợp với UBND cấp xã hướng dẫn rà soát, lập danh sách trang trại trên địa bàn. Người lập bảng kê phải đến từng trang trại trong xã, phường, thị trấn để lập bảng kê.

Thời hạn: Cục Thống kê hoàn thành lập bảng kê và cập nhật vào phần mềm lập bảng kê **chậm nhất ngày 30/5/2020.**

3. Tuyển chọn điều tra viên và giám sát viên

a. Nhiệm vụ của điều tra viên

- Tham dự đầy đủ và nghiêm túc lớp tập huấn dành cho điều tra viên;
- Trực tiếp đến các đơn vị điều tra được phân công để phỏng vấn thu thập thông tin trong phiếu điều tra theo đúng yêu cầu;
- Thực hiện đầy đủ các quy định đối với điều tra viên trong quy trình thu thập thông tin và kiểm tra của giám sát viên; phối hợp với giám sát viên hoàn thành các công việc có liên quan khác.

b. Yêu cầu đối với điều tra viên

Chi cục Thống kê chịu trách nhiệm trực tiếp tuyển chọn hoặc phối hợp với UBND cấp xã tuyển chọn điều tra viên cho từng địa bàn điều tra.

- Người được tuyển chọn làm điều tra viên là những người có sức khỏe, thời gian, trình độ để tiếp thu và thực hiện tốt các quy định trong quy trình thu thập thông tin của Phương án; có kinh nghiệm và hiểu biết về lĩnh vực nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản ở địa bàn; nhiệt tình và có trách nhiệm đối với công việc được phân công. Điều tra viên cần sử dụng thành thạo máy tính, máy tính bảng, điện thoại thông minh để thực hiện phiếu điện tử trong Cuộc điều tra.

- Để phù hợp với thực tế của từng địa phương, nên tuyển chọn lực lượng điều tra theo từng loại phiếu như sau:

+ Phiếu hộ ngắn và Phiếu hộ dài: Điều tra viên được chọn nên là người am hiểu địa bàn điều tra, ưu tiên đối tượng là học sinh đã tốt nghiệp phổ thông trung học, giáo viên, công chức xã (phường, thị trấn), trưởng thôn (ấp, bản) có máy tính bảng, điện thoại thông minh, những người có kinh nghiệm điều tra sử dụng thiết bị điện tử (đã tham gia TĐTDS 2019, Điều tra thu thập thông tin về thực trạng kinh tế xã hội của 53 dân tộc thiểu số năm 2019,...); Ở vùng núi cao, vùng dân tộc thiểu số, biên giới, hải đảo, vùng sâu, vùng xa có thể tuyển chọn bộ đội biên phòng, công an, giáo viên làm điều tra viên. Vùng dân tộc thiểu số, nếu điều tra viên không biết tiếng dân tộc thì cần tuyển chọn thêm người phiên dịch kèm dẫn đường với số lượng hợp lý để giúp điều tra viên.

+ Phiếu trang trại: Điều tra viên được chọn là người có trình độ nghiệp vụ, kinh nghiệm trong điều tra thống kê và am hiểu thực tế địa bàn.

+ Phiếu xã: Ưu tiên tuyển chọn công chức Văn phòng - Thống kê xã thực hiện điền thông tin vào Phiếu điều tra trực tuyến.

c. Số lượng điều tra viên cần tuyển chọn

Cục Thống kê có thể chủ động, linh hoạt trong việc tổ chức điều tra, theo đó có thể chọn điều tra viên tại địa bàn hoặc tổ chức theo nhóm, đội điều tra, đảm bảo bình quân mỗi điều tra viên tiến hành điều tra từ 75 - 100 hộ đối với vùng núi cao; 90 - 120 hộ đối với vùng núi thấp và từ 120 - 160 hộ đối với vùng còn lại và khu vực thành thị.

Để tăng tính chủ động, cần tuyển chọn và tập huấn thêm 3% số điều tra viên dự phòng so với yêu cầu.

d. Tuyển chọn giám sát viên

Cuộc ĐTNNGK 2020 gồm 03 cấp giám sát: Giám sát viên cấp Trung ương, giám sát viên cấp tỉnh và giám sát viên cấp huyện với nhiệm vụ giám sát hoạt động của điều tra viên, hỗ trợ chuyên môn cho người tham gia điều tra ở cấp dưới. Giám sát viên các cấp là công chức, viên chức ngành thống kê được trung tập cho cuộc điều tra.

4. Tập huấn điều tra

4.1. Tập huấn công tác rà soát, lập bảng kê

a. Cấp tỉnh

Cục Thống kê cấp tỉnh tổ chức tập huấn trực tiếp cho giám sát viên cấp tỉnh, Tổ công tác cấp tỉnh, Chi cục Thống kê về công tác rà soát, lập bảng kê các đơn vị điều tra. Thời gian mỗi lớp 0,5 ngày.

b. Cấp huyện

Cục Thống kê hoặc Chi cục Thống kê tổ chức tập huấn trực tiếp cho giám sát viên cấp huyện, công chức Văn phòng - Thống kê cấp xã về công tác rà soát, lập bảng kê các đơn vị điều tra. Thời gian mỗi lớp 0,5 ngày.

Cục Thống kê hướng dẫn, tổ chức tập huấn theo cụm, gồm các đơn vị hành chính cấp huyện liên kề sao cho mỗi lớp từ 40 - 50 học viên nhưng không quá 80 học viên/lớp.

4.2. Tập huấn nghiệp vụ

a. Cấp Trung ương

Tổng cục Thống kê mở các Hội nghị tập huấn nghiệp vụ cho giám sát viên cấp Trung ương, thành viên Tổ công tác cấp Trung ương, công chức thống kê Trung ương có liên quan, lãnh đạo Cục Thống kê và giảng viên cấp tỉnh.

- Hội nghị tập huấn nghiệp vụ điều tra: Thời gian hội nghị 2 ngày.

- Hội nghị tập huấn sử dụng thiết bị và phần mềm để thực hiện Phiếu điều tra điện tử, Phiếu điều tra trực tuyến: Thời gian hội nghị 1 ngày.

Thành phần và số lượng do Tổng cục trưởng quy định cho từng hội nghị.

b. Cấp tỉnh

Cục Thống kê tổ chức tập huấn trực tiếp cho giám sát viên cấp tỉnh, thành viên Tổ công tác cấp tỉnh, giảng viên cấp huyện.

- Tập huấn nghiệp vụ điều tra, sử dụng thiết bị và phần mềm: Thời gian hội nghị 2 ngày.

- Tập huấn công tác phân cấp, kiểm tra giám sát cho các giám sát viên cấp tỉnh và cấp huyện. Thời gian hội nghị 1 ngày.

Thành phần và số lượng do Cục trưởng Cục Thống kê quy định cho từng hội nghị.

c. Cấp huyện

Cục Thống kê hoặc Chi cục Thống kê tổ chức tập huấn trực tiếp cho giám sát viên cấp huyện, điều tra viên.

Thời gian mỗi lớp như sau:

- Tập huấn nghiệp vụ cho điều tra viên, giám sát viên Phiếu xã và Phiếu trang trại. Thời gian tập huấn: 1 ngày bao gồm cả thời gian hướng dẫn sử dụng Phiếu điều tra trực tuyến;

- Tập huấn nghiệp vụ cho điều tra viên, giám sát viên Phiếu hộ ngăn và Phiếu hộ dài. Thời gian tập huấn: 1 ngày bao gồm cả thời gian hướng dẫn sử dụng thực hiện Phiếu điều tra điện tử, Phiếu điều tra trực tuyến.

Cục Thống kê hướng dẫn, tổ chức tập huấn theo cụm, gồm các đơn vị hành chính cấp huyện liên kê sao cho mỗi lớp từ 40 - 50 học viên nhưng không quá 80 học viên/lớp.

(Nội dung và phương pháp tập huấn ở mỗi cấp được quy định cụ thể trong Quy trình tập huấn).

5. Tuyên truyền

- Hoạt động tuyên truyền cần tập trung làm rõ mục đích, ý nghĩa, yêu cầu, nội dung chính và kế hoạch thực hiện điều tra đến các cấp, các ngành và toàn bộ hộ dân cư. Hoạt động tuyên truyền triển khai trong tháng 6 và tháng 7 năm 2020, trong đó tập trung cao điểm từ ngày 25/6 đến 5/7/2020, gần với thời điểm bắt đầu và những ngày đầu thực hiện thu thập thông tin.

Các hình thức tuyên truyền như: Các phương tiện thông tin đại chúng (đài phát thanh, truyền hình, loa truyền thanh, báo viết, báo điện tử, bản tin); cổ động (áp phích, khẩu hiệu, lô gô,...). Huy động hệ thống chính trị các cấp thực hiện tuyên truyền sâu rộng để các đơn vị thuộc đối tượng điều tra tích cực hưởng ứng cuộc ĐTNNGK 2020.

Trong quá trình triển khai, căn cứ vào điều kiện cụ thể của địa phương để huy động các nguồn lực hỗ trợ cho cuộc điều tra và khuyến khích, động viên người dân thực hiện tốt nghĩa vụ cung cấp kịp thời, đầy đủ, chính xác thông tin cho điều tra viên.

6. Triển khai thu thập thông tin

Thực hiện thu thập thông tin ở tất cả các địa bàn điều tra bắt đầu từ ngày 1/7/2020 và kết thúc chậm nhất vào ngày 20/7/2020.

- Thu thập thông tin Phiếu hộ ngăn: Trước khi đến hộ, điều tra viên cùng giám sát viên kiểm tra lại thiết bị di động và thông tin bảng kê của từng địa bàn điều tra. Thiết bị di động (máy tính bảng, điện thoại thông minh) được huy động từ các điều tra viên hoặc các tổ chức tại địa phương theo hình thức hỗ trợ thuê thiết bị.

Đối với những hộ điều tra đầu tiên, giám sát viên cần đi cùng với một số điều tra viên, dự phỏng vấn hộ, từ đó rút kinh nghiệm phương pháp phỏng vấn các hộ tiếp theo cho điều tra viên.

Trong quá trình thu thập thông tin, nếu chủ hộ chưa rõ câu hỏi, điều tra viên cần giải thích thêm. Điều tra viên chỉ điền vào phiếu những thông tin trung thực và đã được kiểm tra, nhất là thông tin về nguồn thu nhập hay ruộng đất cho thuê mướn, chuyển nhượng, đấu thầu, giao cho người khác sử dụng. Điều tra viên tuyệt đối không được tự ý điền thông tin sai sự thật dưới mọi hình thức.

- Thu thập thông tin Phiếu hộ dài, Phiếu trang trại: điều tra viên cần thông báo trước cho các đơn vị điều tra về thời gian điều tra viên đến, những người điều tra viên cần gặp và khoảng thời gian cần thiết dành cho việc thu thập thông tin.

- Thu thập thông tin Phiếu xã: Công chức Văn phòng – Thống kê xã hoặc công chức xã được giao nhiệm vụ thực hiện thu thập thông tin Phiếu xã tiến hành tổng hợp thông tin từ hồ sơ hành chính và các nguồn khác của xã, điền thông tin vào phiếu điều tra trực tuyến.

7. Công tác giám sát, kiểm tra, thanh tra

Lực lượng giám sát, kiểm tra, thanh tra ở Trung ương bao gồm thành viên Tổ Công tác Trung ương, giám sát viên cấp Trung ương, công chức Vụ Thống kê Nông, Lâm nghiệp và Thủy sản, công chức Vụ Pháp chế và Thanh tra Thống kê và các công chức, viên chức khác của Tổng cục Thống kê được phân công kiểm tra, thanh tra. Lực lượng giám sát, kiểm tra, thanh tra ở địa phương là các thành viên Tổ công tác cấp tỉnh, giám sát viên cấp tỉnh, công chức Cục Thống kê và các Chi cục Thống kê.

(1) Công tác giám sát: Công tác giám sát được tiến hành cùng với các giai đoạn điều tra. Trong thời gian thu thập thông tin tại địa bàn, giám sát viên trực tiếp đi cùng điều tra viên đến một số đơn vị điều tra để kiểm tra việc thu thập thông tin; tiến hành phỏng vấn lại một số hộ để thẩm định thông tin; kịp thời thông báo cho điều tra viên những sai sót để khắc phục và thống nhất thực hiện; đồng thời chủ động kiểm tra tiến độ do điều tra viên thực hiện qua Trang thông tin hệ thống điều hành tác nghiệp, không để tồn đọng phiếu chưa kiểm tra trong nhiều ngày.

(2) Công tác kiểm tra: Thực hiện kiểm tra giữa cấp trên đối với cấp dưới trong việc thực hiện các giai đoạn điều tra.

(3) Công tác thanh tra: Căn cứ thẩm quyền, Tổng cục Thống kê chỉ đạo công tác thanh tra chuyên ngành thống kê trong thực hiện Phương án điều tra theo quy định của pháp luật.

Nội dung giám sát, kiểm tra, thanh tra gồm: Giám sát, kiểm tra, thanh tra việc lập bảng kê các đơn vị điều tra; tổ chức các lớp tập huấn; số lượng và chất lượng phiếu, cách hỏi và ghi phiếu của điều tra viên, tính logic giữa các cột, dòng, các chỉ tiêu, quan hệ giữa các biểu, kiểm tra số học, đơn vị tính, đánh mã; các thủ tục hành chính; kiểm tra thực địa tại địa bàn;...

Hình thức giám sát, kiểm tra, thanh tra: Kiểm tra chéo, cấp trên giám sát, kiểm tra, thanh tra cấp dưới; kiểm tra, thanh tra theo kế hoạch, thanh tra độc lập và kiểm tra đột xuất; kiểm tra trọng điểm. Tổ công tác cấp Trung ương kiểm tra điển hình việc tổ chức và thực hiện điều tra đối với Tổ công tác cấp tỉnh để phát hiện và giải quyết kịp thời các vấn đề phát sinh trong quá trình điều tra.

8. Nghiệm thu kết quả, bàn giao tài liệu

Các phiếu điều tra được các cấp nghiệm thu sau khi kết thúc thời gian thu thập thông tin theo hình thức nghiệm thu dữ liệu từ Trang thông tin hệ thống điều hành tác nghiệp và theo phân cấp: Giám sát viên cấp huyện nghiệm thu từ điều tra viên; Cấp tỉnh nghiệm thu cấp huyện, Trung ương nghiệm thu cấp tỉnh.

9. Công bố kết quả

Thông tin về kết quả điều tra do Tổng cục trưởng Tổng cục Thống kê công bố theo quy định của pháp luật.

Cục trưởng Cục Thống kê cấp tỉnh chỉ công bố kết quả điều tra ở địa phương theo đúng kết quả do Tổng cục trưởng Tổng cục Thống kê đã công bố.

10. Tổ chức chỉ đạo thực hiện

a. Ở Trung ương

(1) Vụ Thống kê Nông, Lâm nghiệp và Thủy sản chủ trì Cuộc điều tra, phối hợp với Tổ Công tác cấp Trung ương giúp Lãnh đạo Tổng cục Thống kê chỉ đạo thực hiện toàn bộ Cuộc điều tra, bao gồm: Phụ trách chung, phối hợp với các đơn vị liên quan tổ chức triển khai, hướng dẫn, tập huấn, kiểm tra, giám sát, xử lý số liệu và làm báo cáo kết quả Cuộc điều tra theo đúng quy định của Phương án điều tra.

(2) Vụ Phương pháp chế độ thống kê và Công nghệ thông tin chủ trì, phối hợp với Vụ Thống kê Nông, Lâm nghiệp và Thủy sản và các Trung tâm tin học Thống kê xây dựng kế hoạch xử lý thông tin của Cuộc điều tra; cập nhật các bảng danh mục sử dụng cho công tác xử lý và tổng hợp số liệu.

(3) Vụ Kế hoạch tài chính chủ trì phối hợp với Vụ Thống kê Nông, Lâm nghiệp và Thủy sản dự toán, phân bổ kinh phí; hướng dẫn các đơn vị quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí theo đúng quy định tài chính hiện hành.

(4) Văn phòng Tổng cục Thống kê phối hợp với Vụ Thống kê Nông, Lâm nghiệp và Thủy sản tổ chức triển khai Hội nghị tập huấn cấp Trung ương và các công việc liên quan.

(5) Vụ Pháp chế và Thanh tra Thống kê chủ trì phối hợp Vụ Thống kê Nông, Lâm nghiệp và Thủy sản: (i) Tổ chức thanh tra theo kế hoạch thanh tra đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt; (ii) Trình Tổng cục trưởng tổ chức thanh tra độc lập và tiến hành thực hiện theo quy định; (iii) Hướng dẫn Cục Thống kê

tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương công tác thanh tra thực hiện Phương án ĐTNNGK 2020; xây dựng kế hoạch tuyên truyền trình Tổng cục trưởng phê duyệt và tổ chức thực hiện.

(6) *Trung tâm Tin học Thống kê khu vực I* chủ trì, phối hợp với Vụ Thống kê Nông, Lâm nghiệp và Thủy sản và các Trung tâm tin học thống kê khu vực xây dựng Trang thông tin hệ thống điều hành tác nghiệp của ĐTNNGK 2020 và các phần mềm ứng dụng phiếu điều tra điện tử, phiếu điều tra trực tuyến, quản lý bảng kê, quản lý mạng lưới; xây dựng chương trình kiểm tra logic, tổng hợp số liệu biểu đầu ra; xây dựng chương trình xác minh, đối chiếu thông tin trong thanh tra, giám sát; xây dựng hướng dẫn sử dụng các phần mềm trong điều tra và các công việc khác liên quan đến ứng dụng công nghệ thông tin trong Cuộc điều tra.

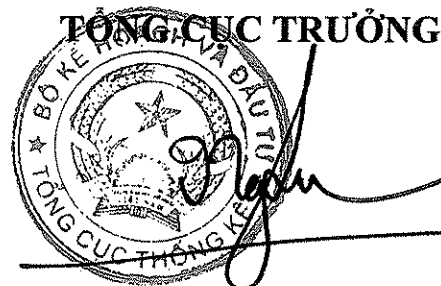
b. Ở địa phương

- Cục Thống kê tổ chức chỉ đạo Cuộc điều tra trên địa bàn tỉnh, phối hợp với Tổ Công tác cấp tỉnh triển khai tập huấn; hướng dẫn rà soát địa bàn, lập bảng kê đơn vị điều tra; kiểm tra, giám sát Cuộc điều tra; nghiệm thu phiếu điều tra và phối hợp với Tổ công tác cấp Trung ương trong xử lý thông tin điều tra, thực hiện các nhiệm vụ theo đúng kế hoạch của Phương án điều tra.

- Chi cục Thống kê tổ chức triển khai cuộc điều tra theo đúng nhiệm vụ được phân công; phối hợp với cấp xã trong rà soát, cập nhật địa bàn và đơn vị điều tra, tuyển chọn điều tra viên; kiểm tra, giám sát thu thập thông tin tại địa bàn; nghiệm thu phiếu điều tra.

X. KINH PHÍ ĐIỀU TRA

Kinh phí ĐTNNGK 2020 do ngân sách Nhà nước bảo đảm cho mọi hoạt động được quy định trong Phương án này. Việc quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí được thực hiện theo Thông tư số 109/2016/TT-BTC ngày 30/6/2016 của Bộ Tài chính quy định về lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí thực hiện các cuộc điều tra thống kê, tổng điều tra quốc gia và các văn bản hiện hành./.



Nguyễn Bích Lâm

Hà Nội, ngày 3 tháng 4 năm 2020

QUY TRÌNH

Lập bảng kê các đơn vị điều tra trong Điều tra nông thôn, nông nghiệp giữa kỳ năm 2020

(Kèm theo Phương án Điều tra ban hành theo Quyết định số 1635/QĐ-TCTK
ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Tổng cục trưởng Tổng cục Thống kê)

PHẦN I. NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Lập bảng kê các đơn vị điều tra trong Điều tra nông thôn, nông nghiệp giữa kỳ thời điểm 1/7/2020 (viết gọn là ĐTNNGK 2020) là việc lập danh sách các đơn vị điều tra thuộc phạm vi của cuộc điều tra trên một khu vực địa lý nhất định, theo quy trình cụ thể, thống nhất và ghi vào biểu mẫu được thiết kế trước.

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU, ĐƠN VỊ LẬP BẢNG KÊ

1. Mục đích của lập bảng kê

Lập bảng kê là hoạt động quan trọng, cần thiết trong ĐTNNGK 2020, giúp thực hiện điều tra trên cả nước được thuận lợi, tránh trùng hoặc bỏ sót các đơn vị điều tra. Công tác lập bảng kê nhằm một số mục đích sau:

(1) Giúp Tổ công tác ĐTNNGK 2020 (viết gọn là Tổ công tác) các cấp nắm được thông tin ban đầu của từng loại đơn vị điều tra trên từng địa bàn, làm cơ sở cho việc lập kế hoạch, huy động, tuyển chọn, tập huấn điều tra viên và giám sát viên; chuẩn bị khối lượng các loại tài liệu phục vụ điều tra (sổ tay hướng dẫn, quy trình nghiệp vụ và các tài liệu có liên quan khác) và các vật tư văn phòng phẩm; ...;

(2) Giúp Tổ công tác các cấp chủ động chỉ đạo và điều hành công việc; theo dõi tiến độ thực hiện trong phạm vi được phân công, bảo đảm Cuộc điều tra được tiến hành đúng tiến độ đã đề ra;

(3) Giúp Tổ công tác các cấp xây dựng mạng lưới thông tin phục vụ thực hiện thu thập thông tin, chủ động trong việc phân công các đơn vị điều tra cụ thể cho từng điều tra viên; theo dõi tiến độ thực hiện khối lượng điều tra;

(4) Giúp điều tra viên nhận biết số lượng, phạm vi và địa chỉ của các đơn vị điều tra được phân công, bảo đảm trong quá trình tiến hành thu thập thông tin được đầy đủ, chính xác, tránh trùng lặp, bỏ sót đơn vị điều tra;

(5) Làm dàn chọn mẫu để tiến hành chọn hộ điều tra mẫu thu thập thông tin chuyên sâu của hộ có hoạt động sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản (viết gọn là nông nghiệp).

2. Yêu cầu của lập bảng kê

(1) Đầy đủ các đơn vị điều tra thuộc phạm vi điều tra, không trùng lặp, không bỏ sót đơn vị điều tra.

(2) Thông tin trong bảng kê phải được thu thập, ghi chép theo đúng nội dung yêu cầu của các chỉ tiêu tại biểu mẫu do Tổ công tác Trung ương quy định.

(3) Bảng kê phải hoàn thành theo đúng thời gian quy định.

(4) Các bảng kê được tiếp tục cập nhật nội dung khi có thông tin phát sinh.

3. Đơn vị lập bảng kê

(1) Hộ có hoạt động sản xuất nông nghiệp;

(2) Trang trại được quy định tại Thông tư số 02/2020/TT-BNNPTNT ngày 28 tháng 02 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Quy định về tiêu chí kinh tế trang trại.

II. MỘT SỐ KHÁI NIỆM, QUY ƯỚC

1. Hộ

1.1. Khái niệm hộ

Hộ bao gồm một người ăn riêng, ở riêng hoặc một nhóm người ăn chung và ở chung. Đối với hộ có từ 02 người trở lên, các thành viên trong hộ có thể có hay không có quỹ thu chi chung; có hoặc không có mối quan hệ ruột thịt, hôn nhân hay nuôi dưỡng; hoặc kết hợp cả hai.

Lưu ý:

- Một hộ thường sử dụng toàn bộ hay một phần của một đơn vị nhà ở¹, nhưng cũng có những hộ sống trong các lều, lán, trại, nhà trọ, khu nhà ở cho người lao động,...

- Được tính là hai hộ khác nhau nếu hai gia đình, hai nhóm người ở chung trong một đơn vị nhà ở nhưng không ăn chung với nhau hoặc ăn chung nhưng lại ngủ riêng ở hai đơn vị nhà ở khác nhau.

1.2. Quy ước về hộ có hoạt động sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản.

Hộ có hoạt động sản xuất nông nghiệp là hộ theo khái niệm hộ mục 1.1 và thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

¹ Đơn vị nhà ở được hiểu là một phòng, một căn hộ hoặc một ngôi nhà

(1) Hộ có hoạt động sản xuất nông nghiệp là hộ có một trong các hoạt động:

- Hộ có hoạt động trồng, thu hoạch sản phẩm cây hàng năm, cây lâu năm và có sử dụng đất sản xuất nông nghiệp từ 200 m² trở lên;
- Hộ chăn nuôi từ 01 con trâu, bò, lợn hoặc từ 30 con gia cầm trở lên;
- Hộ có ít nhất 01 **lao động chuyên²** thực hiện hoạt động trồng trọt, chăn nuôi, bao gồm cả hoạt động dịch vụ nông nghiệp.

(2) Hộ có hoạt động sản xuất lâm nghiệp là hộ có một trong các hoạt động:

- Hộ có hoạt động trồng hoặc chăm sóc cây lâm nghiệp và có diện tích đất lâm nghiệp từ 3000 m² trở lên;
- Hộ có ít nhất 01 **lao động chuyên** thực hiện dịch vụ lâm nghiệp (chăm sóc, bảo vệ rừng,...) hoặc **chuyên** thực hiện hoạt động thu nhặt sản phẩm từ rừng;

(3) Hộ có hoạt động sản xuất thủy sản là hộ có một trong các hoạt động:

- Hộ có hoạt động nuôi trồng các loại thủy sản và có từ 300 m² đất nuôi trồng thủy sản trở lên hoặc có lồng bè, bể bồn nuôi thủy sản;
- Hộ có ít nhất 01 **lao động chuyên** thực hiện hoạt động ương nuôi giống thủy sản;
- Hộ có hoạt động khai thác thủy sản và có từ 01 tàu thuyền có động cơ trở lên **chuyên** khai thác thủy sản; hoặc hộ có ít nhất 01 **lao động chuyên** khai thác hoặc làm thuê thủy sản.

2. Địa bàn điều tra

2.1. Khái niệm

Địa bàn điều tra sử dụng trong cuộc ĐTNNGK 2020 là khu vực dân cư có ranh giới rõ ràng hoặc tương đối rõ ràng chứa hộ có hoạt động sản xuất nông nghiệp.

2.2. Quy định địa bàn điều tra

2.2.1. *Địa bàn điều tra khu vực nông thôn* là địa bàn thuộc dân mẫu chủ khu vực nông thôn của Tổng điều tra dân số và nhà ở năm 2019 (viết gọn là TĐTDS 2019) sau khi được rà soát, cập nhật đến thời điểm lập bảng kê.

2.2.2. *Địa bàn điều tra khu vực thành thị*, là địa bàn được chọn từ các địa bàn được lập trên cơ sở rà soát, tách, ghép địa bàn chứa hộ có hoạt động sản xuất nông nghiệp của toàn bộ địa bàn thành thị và các địa bàn khu vực nông thôn chuyển lên thành thị của TĐTDS 2019 có đến thời điểm lập bảng kê.

² Lao động chuyên là lao động có tổng thời gian lao động quy đổi từ 30 ngày (hoặc 240 giờ) trong năm trở lên.

3. Trang trại

3.1. Khái niệm

Trang trại là những cá nhân, hộ gia đình có hoạt động sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản đạt tiêu chuẩn kinh tế trang trại theo quy định tại Thông tư số 02/2020/TT-BNNPTNT ngày 28 tháng 02 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Quy định tiêu chí kinh tế trang trại và có kết quả sản xuất kinh doanh trong năm điều tra.

3.2. Quy định về đạt tiêu chuẩn kinh tế trang trại

3.2.1. Đối với trang trại chuyên ngành

Trong cuộc điều tra này, trang trại được quy định như sau:

Trang trại chuyên ngành được xác định theo lĩnh vực sản xuất như trồng trọt, chăn nuôi, lâm nghiệp, nuôi trồng thủy sản, diêm nghiệp và tỷ trọng giá trị sản phẩm³ của lĩnh vực chiếm trên 50% cơ cấu tổng giá trị sản phẩm của trang trại trong năm 2019. Trang trại chuyên ngành được phân loại như sau:

(1) Trồng trọt: Giá trị sản phẩm phải đạt từ 1,0 tỷ đồng trở lên và tổng diện tích đất sản xuất từ 1,0 ha trở lên;

(2) Nuôi trồng thủy sản: Giá trị sản phẩm phải đạt từ 2,0 tỷ đồng trở lên và tổng diện tích đất sản xuất từ 1,0 ha trở lên;

(3) Chăn nuôi: Giá trị sản phẩm phải đạt từ 2,0 tỷ đồng trở lên;

(4) Lâm nghiệp: Giá trị sản phẩm đạt từ 1,0 tỷ đồng trở lên và tổng diện tích đất sản xuất từ 10,0 ha trở lên;

(5) Sản xuất muối: Giá trị sản phẩm đạt 0,35 tỷ đồng trở lên và tổng diện tích đất sản xuất từ 1,0 ha trở lên.

3.2.2. Đối với trang trại tổng hợp

Trang trại tổng hợp là trang trại không có lĩnh vực sản xuất nào có tỷ trọng giá trị sản phẩm chiếm trên 50% cơ cấu giá trị sản phẩm của trang trại trong năm 2019. Đồng thời giá trị sản phẩm phải đạt từ 2,0 tỷ đồng trở lên và tổng diện tích đất sản xuất từ 1,0 ha trở lên.

3.3. Quy định về cách tính tổng diện tích đất sản xuất và giá trị sản xuất của trang trại

(1) Tổng diện tích đất sản xuất của trang trại là diện tích đất sản xuất kinh doanh của trang trại, được sử dụng hợp pháp theo quy định của pháp luật về đất đai, bao gồm diện tích đất để trồng trọt, chăn nuôi, trồng cây lâm nghiệp, nuôi

³ Bao gồm cả sản phẩm vật chất và sản phẩm dịch vụ.

trồng thủy sản, sản xuất muối và đất để xây dựng hạ tầng phục vụ sản xuất của trang trại tại thời điểm kê khai.

(2) Giá trị sản phẩm của trang trại là giá trị sản phẩm trang trại đạt được trong năm 2019; được tính bằng tổng giá trị sản phẩm các kỳ thu hoạch hoặc khai thác trong năm.

PHẦN II. QUY TRÌNH LẬP BẢNG KÊ

I. Lập bảng kê hộ có hoạt động sản xuất nông nghiệp

Bảng kê hộ có hoạt động sản xuất nông nghiệp được lập cho từng địa bàn điều tra.

1. Nội dung bảng kê

Bảng kê hộ được thực hiện theo Mẫu số 02-BK/ĐTNGK-HO gồm 3 phần, cụ thể như sau:

- (1) Thông tin định danh;
- (2) Thông tin chi tiết của bảng kê;
- (3) Xác nhận.

2. Quy trình lập bảng kê hộ có hoạt động sản xuất nông nghiệp

2.1. Hộ có hoạt động sản xuất nông nghiệp khu vực nông thôn

Bước 1: Rà soát địa bàn

Sau khi nhận danh sách địa bàn do Tổ công tác Trung ương cung cấp (trên trang Web điều hành tác nghiệp ĐTNNGK 2020), Tổ công tác cấp tỉnh chỉ đạo Chi cục Thống kê phối hợp với người thực hiện công tác thống kê tại xã (sau đây gọi là thống kê xã), trưởng thôn tiến hành rà soát lại địa bàn và lập danh sách địa bàn theo Mẫu số 01-BK/ĐTNGK-ĐB, theo nguyên tắc đảm bảo giữ nguyên địa bàn trong TĐTDS 2019, cụ thể như sau:

- Loại bỏ địa bàn không còn tồn tại do giải tỏa toàn bộ hoặc địa bàn chuyển từ nông thôn sang thành thị;

- Địa bàn có quy mô dưới 60 hộ, thực hiện ghép địa bàn bằng cách chọn một hoặc một số địa bàn liền kề (không phải địa bàn thuộc dàn mẫu chủ TĐTDS 2019) phù hợp, đảm bảo về quy mô (địa bàn mới sau khi ghép có số lượng hộ từ 60 trở lên và không quá 160 hộ). Mã địa bàn là mã của địa bàn ban đầu, tên địa bàn là tên của các địa bàn được nối với nhau bằng dấu "+".

- Trường hợp sắp xếp lại đơn vị hành chính cấp huyện, xã

(1) Đối với các địa bàn có xã, huyện thay đổi: Giữ nguyên mã và tên của địa bàn đồng thời thực hiện cập nhật tên, mã của xã mới, huyện mới. Trường

hợp tên xã, huyện thay đổi nhưng chưa có mã xã, mã huyện mới thì cập nhật tên xã, huyện và giữ nguyên mã xã, huyện cũ.

(2) Đối với địa bàn của xã bị chia tách nay thuộc xã khác, giữ nguyên mã địa bàn, cập nhật tên địa bàn theo đơn vị hành chính mới. Trường hợp mã địa bàn của xã bị tách và xã được nhập thêm trùng nhau, thực hiện cập nhật lại các mã địa bàn đảm bảo mỗi địa bàn có một mã duy nhất.

Ví dụ: Địa bàn 001 của xã B được chọn điều tra. Địa bàn 001 của xã A được chọn điều tra nay chuyển về xã B do sắp xếp lại đơn vị hành chính. Như vậy xã B có 2 địa bàn có mã 001 (01 địa bàn của xã B và 01 địa bàn của xã A được nhập vào xã B). Theo quy định trên, cần cập nhật lại mã địa bàn 001 của xã A hoặc địa bàn 001 của xã B để đảm bảo mỗi địa bàn trong xã B có một mã duy nhất.

(3) Đối với một địa bàn của xã bị chia tách thành nhiều phần nay thuộc các xã khác nhau, tiến hành chọn địa bàn chứa địa bàn cũ có quy mô hộ lớn nhất; giữ nguyên mã địa bàn, cập nhật tên địa bàn (nếu có).

Ví dụ: Địa bàn 001 của xã A có quy mô 145 hộ bị tách thành hai phần, phần thứ nhất gồm 50 hộ được nhập vào địa bàn 005 của xã B, phần thứ hai gồm 95 hộ được nhập vào địa bàn 002 của xã C do sắp xếp lại đơn vị hành chính. Theo quy định trên, phần thứ 2 địa bàn 001 của xã A sau khi chuyển về xã C sẽ được chọn làm địa bàn điều tra (chỉ bao gồm 95 hộ) với mã địa bàn là 001, tên địa bàn được cập nhật lại nếu có thay đổi.

Bước 2: Rà soát, lập danh sách hộ có hoạt động sản xuất nông nghiệp của địa bàn

- Từ các địa bàn đã được rà soát, Chi cục Thống kê phối hợp với thống kê xã, trưởng thôn sử dụng danh sách hộ trên địa bàn (được khai thác từ TĐTDS 2019 và cập nhật trên trang Web điều hành tác nghiệp ĐTNNGK 2020) tiến hành rà soát các hộ trên địa bàn, hộ chuyển đi, hộ chuyển đến; hộ tách, nhập để xác định tổng số hộ trên địa bàn. Người lập bảng kê tiến hành rà soát danh sách và đến hộ xác định hộ có hoạt động sản xuất nông nghiệp sau đó hoàn thiện danh sách hộ có hoạt động sản xuất nông nghiệp của địa bàn theo Mẫu số 02-BK/ĐTNNGK-HO.

- Đối với những hộ có hoạt động NLTS mới phát sinh sẽ được lập, bổ sung vào cuối danh sách và ghi vào cột ghi chú thông tin về hộ (ví dụ như gần hộ nào trong danh sách), ID của những hộ này do Tổ công tác Trung ương ghi.

Bước 3: Cập nhật danh sách địa bàn

Tổ công tác cấp tỉnh hướng dẫn Chi cục Thống kê cập nhật danh sách địa bàn (Mẫu số 01-BK/ĐTNNGK-ĐB), danh sách hộ có hoạt động sản xuất nông nghiệp của địa bàn (Mẫu số 02-BK/ĐTNNGK-HO) lên trang Web điều hành tác nghiệp.

2.2. Hộ có hoạt động sản xuất nông nghiệp khu vực thành thị

Bước 1: Rà soát địa bàn

Sau khi nhận danh sách địa bàn thành thị của TĐTDS 2019 trên trang Web điều hành tác nghiệp ĐTNNGK 2020 (đã loại bỏ những địa bàn không chứa hộ có hoạt động sản xuất nông nghiệp), Tổ công tác cấp tỉnh chỉ đạo Chi cục Thống kê phối hợp với người thực hiện công tác thống kê tại phường, thị trấn, tổ trưởng tổ dân phố tiến hành rà soát lại địa bàn cụ thể như sau:

(1) Loại bỏ địa bàn không còn tồn tại;

(2) Bổ sung địa bàn mới phát sinh (những địa bàn thuộc các xã của TĐTDS 2019 được chuyển lên thành thị sau thời điểm 01/4/2019).

Bước 2: Lập danh sách hộ có hoạt động sản xuất nông nghiệp của địa bàn

Sau khi nhận danh sách địa bàn đã được rà soát ở Bước 1 và danh sách hộ của các địa bàn này được khai thác từ TĐTDS 2019, người được giao nhiệm vụ lập bảng kê hộ có hoạt động sản xuất nông nghiệp thực hiện cụ thể như sau:

- Tiến hành khảo sát thực địa để nắm rõ về ranh giới và phạm vi của địa bàn đã được giao phụ trách thực hiện lập Bảng kê hộ trên thực tế; tham khảo các nguồn số liệu sẵn có để rà soát nhằm xác định sơ bộ các hộ có hoạt động sản xuất nông nghiệp tại địa bàn.

- Đi từ đầu hoặc cuối địa bàn, đến từng hộ có hoạt động sản xuất nông nghiệp (tránh bỏ sót) trong phạm vi địa bàn được giao phụ trách; trong quá trình thu thập thông tin bảng kê tại địa bàn, cần kết hợp quan sát, tìm hiểu thêm thông tin để xác định, bổ sung hộ thực tế có hoạt động sản xuất nông nghiệp do chưa được rà soát, xác định sơ bộ và đến hộ khai thác thông tin.

- Tại mỗi hộ, người lập bảng kê gặp chủ hộ hoặc người am hiểu thông tin về hộ để hỏi, xác định và ghi chép thông tin vào Bảng kê hộ theo Mẫu số 02-BK/ĐTNNGK-HO với nội dung cụ thể:

(1) Số thứ tự hộ: Số thứ tự hộ được đánh từ 01 đến hết theo từng địa bàn;

(2) Cập nhật lại mã thôn, tên thôn (nếu có thay đổi);

(3) Họ, tên chủ hộ;

(4) Tình trạng của hộ (1. Hộ còn tại địa bàn; 2. Hộ phát sinh mới bao gồm hộ tách mới từ hộ ban đầu, hộ mới chuyển đến; 3. Hộ thay đổi chủ hộ);

(5) Thông tin xác định hộ có hoạt động sản xuất nông nghiệp.

(6) Người lập Bảng kê hộ kiểm tra, hoàn thiện, ký, ghi rõ họ tên vào Bảng kê hộ và bàn giao Bảng kê hộ cho công chức của Chi cục Thống kê.

Bước 3: Tách, ghép địa bàn

Chi cục Thống kê phối hợp với thông kê phường, thị trấn; tổ trưởng tổ dân phố căn cứ vào bảng kê hộ có tham gia hoạt động sản xuất nông nghiệp đã được lập ở từng địa bàn và quy định tách, ghép địa bàn để lập các địa bàn mới (theo Mẫu số 01-BK/ĐTNNKG-ĐB).

Quy định về tách, ghép địa bàn như sau:

- Địa bàn từ 160 hộ có hoạt động sản xuất nông nghiệp trở lên, thực hiện tách địa bàn ban đầu thành một số địa bàn với quy ước mỗi địa bàn có quy mô không dưới 80 hộ;

- Địa bàn dưới 80 hộ hoạt động sản xuất nông nghiệp, thực hiện ghép một số địa bàn liền kề thành một địa bàn mới với quy ước mỗi địa bàn có không quá 160 hộ.

(1) Đối với địa bàn có trên 160 hộ có hoạt động NLTS, tách thành nhiều địa bàn, quy định:

- Tên địa bàn mới sẽ là tên địa bàn dân số ban đầu + số thứ tự từ 01, tăng dần cho đến hết số lượng địa bàn được tách và nối bằng ký tự “-” ở giữa.

- Mã địa bàn sẽ được đánh lại cho từng phường, thị trấn lần lượt, bắt đầu từ 001.

- Ghi vào cột ghi chú “tách địa bàn (tên địa bàn) thành (số lượng) địa bàn”.

Ví dụ: Địa bàn “Tổ 1” có số hộ có hoạt động sản xuất nông nghiệp là 180 hộ, theo quy định sẽ được tách thành 02 địa bàn, tên địa bàn mới là “Tổ 1-01” và “Tổ 1-02”. Cột ghi chú ghi là tách địa bàn “Tổ 1” thành 2 địa bàn.

(2) Trường hợp địa bàn điều tra được ghép từ nhiều địa bàn liền kề, quy định cụ thể như sau:

- Tên địa bàn mới sẽ là tên của các địa bàn dân số ban đầu và được nối với nhau bằng ký tự “+”;

- Mã địa bàn sẽ được đánh lại cho từng phường, thị trấn theo lần lượt, bắt đầu từ 001.

Ví dụ: Số lượng hộ có hoạt động sản xuất nông nghiệp của địa bàn 003 (tên địa bàn là Tổ 1) và địa bàn 004 (tên địa bàn là Tổ 5) lần lượt là 50 và 45 hộ. Như vậy, hai địa bàn này được ghép với nhau để thành địa bàn mới. Tên của địa bàn mới là: Tổ 1+5.

Lưu ý

- Địa bàn điều tra khu vực thành thị được lập theo phường, thị trấn; không ghép địa bàn của phường, thị trấn này với địa bàn của phường, thị trấn khác tạo

thành địa bàn mới. Trường hợp một phường, thị trấn khi ghép hết các địa bàn với nhau nhưng số hộ có hoạt động sản xuất nông nghiệp vẫn dưới 80 hộ thì được quy định là 01 địa bàn. Trường hợp địa bàn có dưới 80 hộ nhưng không ghép được với các địa bàn khác trong cùng một phường, thị trấn do địa bàn sau khi ghép có quy mô vượt quá 160 hộ, quy ước giữ nguyên địa bàn.

- Địa bàn mới đảm bảo được tách từ một địa bàn hoặc ghép từ nhiều địa bàn trong TĐTDS 2019.

- Việc tách và ghép các địa bàn ban đầu tạo thành (các) địa bàn điều tra phải đảm bảo ranh giới địa bàn điều tra rõ ràng hoặc tương đối rõ ràng để thuận tiện cho công tác điều tra.

- Không ghép một phần của địa bàn này với một phần của địa bàn khác hoặc một phần địa bàn này với một địa bàn khác với nhau để tạo thành một địa bàn mới.

Bước 4: Tổng hợp danh sách hộ có hoạt động sản xuất nông nghiệp theo địa bàn sau khi được tách, ghép

Từ danh sách hộ có hoạt động sản xuất nông nghiệp của các địa bàn ban đầu (khi chưa tách, ghép), Chi cục Thống kê thực hiện lập danh sách hộ có hoạt động sản xuất nông nghiệp của địa bàn (được lập ở Bước 3) theo Mẫu số 02-BK/ĐTNNGK-HO.

Bước 5: Cập nhật danh sách địa bàn

Tổ công tác cấp tỉnh hướng dẫn Chi cục Thống kê cập nhật danh sách địa bàn theo Mẫu số 01-BK/ĐTNNGK-ĐB và danh sách hộ có hoạt động sản xuất nông nghiệp (được lập ở Bước 4) của địa bàn lên trang Web điều hành tác nghiệp. Giám sát viên cấp tỉnh chịu trách nhiệm giám sát quá trình thực hiện lập bảng kê hộ và cập nhật danh sách lên trang Web điều hành tác nghiệp.

II. Lập bảng kê trang trại

Bước 1. Rà soát danh sách trang trại trên địa bàn xã

Căn cứ vào quy định tiêu chí kinh tế trang trại và danh sách trang trại hiện có trên địa bàn xã, phường, thị trấn Chi cục Thống kê phối hợp với công chức Văn phòng - Thống kê xã, phường, thị trấn cập nhật, rà soát những hộ, cá nhân, cơ sở sản xuất đạt tiêu chí trang trại trước khi thực hiện lập bảng kê.

Bước 2. Lập bảng kê trang trại

a) Người lập bảng kê phải đến từng trang trại trong xã, phường, thị trấn để lập bảng kê theo Mẫu số 03-BK/ĐTNNGK-TT với thông tin như sau:

- Số thứ tự trang trại;
- Họ, tên chủ trang trại;

- Địa chỉ của trang trại;
- Diện tích đất sản xuất nông nghiệp, đất lâm nghiệp, diện tích nuôi trồng thủy sản của trang trại, diện tích đất làm muối;
- Giá trị sản phẩm đạt được từ hoạt động sản xuất nông, lâm nghiệp, thủy sản và làm muối của trang trại trong năm 2019.

b) Việc lập bảng kê trang trại được thực hiện lần lượt từ thôn, tổ dân phố này đến thôn, tổ dân phố khác trong xã, phường, thị trấn. Số thứ tự của trang trại được đánh số liên tục từ trang trại đầu tiên đến trang trại cuối cùng trong xã, phường, thị trấn;

c) Người lập bảng kê sau khi hoàn thành việc lập bảng kê phải ký tên, ghi rõ họ, tên vào bảng kê và bàn giao đầy đủ bảng kê cho Chi cục Thống kê.

Bước 3. Báo cáo bảng kê trang trại

Tổ công tác cấp tỉnh hướng dẫn Chi cục Thống kê cập nhật danh sách trang trại lên trang Web điều hành tác nghiệp. Giám sát viên cấp tỉnh chịu trách nhiệm giám sát quá trình thực hiện lập bảng kê và cập nhật danh sách lên trang Web điều hành tác nghiệp.

PHẦN III. HƯỚNG DẪN CẬP NHẬT BẢNG KÊ HỘ, TRANG TRẠI

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Mục đích của cập nhật bảng kê

Cập nhật Bảng kê hộ có hoạt động sản xuất nông nghiệp, trang trại nhằm rà soát, cập nhật đầy đủ những thay đổi của các đơn vị điều tra trước thời điểm thu thập thông tin ĐTNNGK 2020.

Cập nhật Bảng kê hộ, trang trại giúp việc phân công nhiệm vụ thu thập thông tin cho các điều tra viên được đầy đủ, tránh điều tra trùng hoặc bỏ sót các đơn vị điều tra trên địa bàn.

2. Thời gian cập nhật

Thời gian cập nhật Bảng kê hộ được thực hiện từ ngày 15 đến ngày 25 tháng 6 năm 2020.

II. HƯỚNG DẪN CẬP NHẬT BẢNG KÊ

Cập nhật bảng kê được thực hiện đối với Bảng kê hộ có hoạt động sản xuất nông nghiệp theo Mẫu số 02-BK/ĐTNNGK-HO và Bảng kê trang trại theo Mẫu số 03-BK/ĐTNNGK-TT.

Các thông tin cần cập nhật bảng kê gồm; (1) đơn vị mới chuyển đến địa bàn, mới phát sinh; (2) tách từ đơn vị ban đầu; (3) đơn vị chuyển đi khỏi địa bàn; (4) thay đổi tên chủ hộ, trang trại.

1. Tài liệu sử dụng

Người cập nhật bảng kê sử dụng Bảng kê hộ có hoạt động sản xuất nông nghiệp (Mẫu số 02-BK/ĐTNNGK-HO) và Bảng kê trang trại (Mẫu số 03-BK/ĐTNNGK-TT) do Chi cục Thống kê cung cấp. Thông tin về các loại Bảng kê đã được lưu trữ trên trang Web điều hành tác nghiệp ĐTNNGK 2020.

2. Nhiệm vụ của người cập nhật Bảng kê

- Người cập nhật bảng kê nhận bàn giao Bảng kê hộ, trang trại từ Chi cục Thống kê.

- Phối hợp với trưởng thôn, tổ trưởng tổ dân phố trên địa bàn do mình phụ trách và nắm thông tin về những thay đổi của các hộ, trang trại phục vụ cho công tác kiểm tra thực địa và cập nhật Bảng kê.

- Người cập nhật bảng kê đến các hộ, trang trại mới chuyển đến hoặc có thay đổi trong địa bàn điều tra cần phỏng vấn chủ hộ, chủ trang trại và cập nhật Bảng kê.

- Hoàn thiện bảng kê và bàn giao cho công chức Chi cục Thống kê theo thời gian quy định.

3. Các trường hợp cập nhật Bảng kê

Cập nhật Bảng kê hộ, trang trại khi có thay đổi trong các trường hợp sau:

(1) Hộ có hoạt động sản xuất nông nghiệp, trang trại mới chuyển đến địa bàn điều tra, mới phát sinh hoặc tách ra từ hộ khác trong địa bàn người cập nhật bảng kê ghi bổ sung số thứ tự, các thông tin vào cuối danh sách, bỏ trống thông tin ở cột ID hộ (trong TĐTDS 2019);

(2) Hộ có hoạt động sản xuất nông nghiệp, trang trại không còn tại địa bàn người cập nhật bảng kê ghi vào cột ghi chú “Hộ, trang trại chuyển khỏi địa bàn” và giữ nguyên tất cả các cột chứa thông tin của hộ, trang trại trong bảng kê;

(3) Hộ có hoạt động sản xuất nông nghiệp, trang trại không còn hoạt động sản xuất hoặc không đảm bảo quy mô sản xuất nông nghiệp, người cập nhật bảng kê ghi vào cột ghi chú “Hộ, trang trại không hoạt động NLTS” và giữ nguyên tất cả các cột chứa thông tin của hộ, trang trại trong bảng kê;

(4) Thay đổi tên chủ hộ, trang trại người lập bảng kê tiến hành cập nhật tên chủ hộ, trang trại mới.

4. Cập nhật bảng kê lên trang Web điều hành

Sau khi nhận bàn giao các loại bảng kê đã được cập nhật từ người được giao nhiệm vụ cập nhật bảng kê, Chi cục Thống kê tổng hợp và cập nhật lên trang Web điều hành tác nghiệp ĐTGKNN 2020 chậm nhất ngày 25 tháng 6 năm 2020.

PHẦN IV. KẾ HOẠCH THỰC HIỆN

I. THỜI GIAN THỰC HIỆN

Tổ công tác cấp tỉnh chỉ đạo tổ chức việc lập, xử lý, tổng hợp, Bảng kê địa bàn điều tra, Bảng kê hộ có hoạt động sản xuất nông nghiệp, Bảng kê trang trại; kiểm tra, duyệt và báo cáo cho Tổ công tác Trung ương thông qua trang Web điều hành, tác nghiệp ĐTNNGK 2020 theo thời gian cụ thể như sau:

(1) Danh sách địa bàn điều tra (Mẫu số 01-BK/ĐTNNGK-ĐB): **Chậm nhất ngày 30/5/2020;**

(2) Bảng kê hộ có hoạt động sản xuất nông nghiệp (Mẫu số 02-BK/ĐTNNGK-HO): **chậm nhất ngày 30/5/2020;**

(3) Bảng kê trang trại (Mẫu số 03-BK/ĐTNNGK-TT): **Chậm nhất ngày 25/5/2020.**

II. CÁCH THỰC HIỆN

Xử lý, tổng hợp và gửi dữ liệu các loại bảng kê về Tổ công tác Trung ương theo các cách sau:

Cách 1: Nhập thông tin của các loại bảng kê vào bảng tính Excel và gửi kết quả theo địa chỉ thư nonglamthuysan@gso.gov.vn

Cách 2: Cập nhật các loại bảng kê lên Trang Web điều hành tác nghiệp ĐTNNGK 2020. Cách nhập thông tin trực tiếp được hướng dẫn cụ thể trong tài liệu hướng dẫn sử dụng trang Web điều hành tác nghiệp ĐTNNGK 2020./.

TỔNG CỤC THỐNG KÊ

**DANH SÁCH ĐỊA BÀN ĐTNNGK 2020 CỦA
QUẬN, HUYỆN, THỊ XÃ, THÀNH PHỐ THUỘC TỈNH**

Tỉnh/TP:

--	--

Quận/huyện/TX/TP:

--	--	--

Số TT	Mã (Xã ⁴)	Tên xã	Mã địa bàn ⁵ (trong TĐTDS 2019)	Địa bàn		Thôn/tổ dân phố ⁶		Ghi chú
				Mã	Tên	Mã	Tên	
A	B	C	D	1	2	3	4	5
01								
02								
03								
04								
05								
06								
07								
08								
09								
10								
11								
12								
13								
14								
15								
17								
18								
19								
20								
21								
22								
23								
24								

⁴ Xã, phường, thị trấn

⁵ Các địa bàn của TĐTDS2019 nếu ghép thành 01 địa bàn của ĐTNNGK2020 được ghi trên 1 dòng và nối với nhau bằng dấu "+".

⁶ Địa bàn của ĐTNNGK2020 được ghép từ nhiều thôn, tổ dân phố thì ghi mã thôn, tổ dân phố, tên thôn, tổ dân phố trên 1 dòng và nối với nhau bằng dấu "+".

BẢNG KÊ HỘ CÓ HOẠT ĐỘNG NÔNG, LÂM NGHIỆP VÀ THỦY SẢN TRÊN ĐỊA BÀN

Tỉnh, TP:
 Huyện (TP, TX):
 Xã (P, TT):
 Địa bàn:
 Tổng số hộ⁷

- Hộ có hoạt động sản xuất nông nghiệp: Có trồng, thu hoạch sản phẩm cây hàng năm, cây lâu năm và có sử dụng đất SXNN từ 200 m² trở lên; hoặc có nuôi từ 01 con trâu, bò, lợn hoặc từ 30 con gia cầm trở lên; hoặc có ít nhất 01 lao động chuyên thực hiện hoạt động trồng trọt, chăn nuôi, bao gồm cả hoạt động dịch vụ nông nghiệp.
- Hộ có hoạt động sản xuất lâm nghiệp: Có trồng hoặc chăm sóc cây lâm nghiệp và có diện tích đất lâm nghiệp từ 3000 m² trở lên; hoặc có ít nhất 01 lao động chuyên thực hiện dịch vụ lâm nghiệp (chăm sóc, bảo vệ rừng,...) hoặc chuyên thực hiện các hoạt động thu nhặt sản phẩm từ rừng
- Hộ có hoạt động sản xuất thủy sản: Có hoạt động nuôi thủy sản từ 300 m²; hoặc có lồng bè, bể bồn; hoặc nuôi giống thủy sản; hoặc hộ khai thác thủy sản và có từ 01 tàu thuyền có động cơ trở lên chuyên khai thác thủy sản; hoặc có ít nhất 1 lao động chuyên khai thác hoặc làm thuê thủy sản hoặc chuyên thực hiện hoạt động ương nuôi giống thủy sản.

Số TT	Mã thôn	Tên thôn	ID hộ (trong TĐTDS 2019)	Tình trạng 1=Còn tại địa bàn 2=Hộ mới 3=Thay chủ hộ	Họ tên chủ hộ	Địa chỉ chủ hộ	Hộ có hoạt động sản xuất NLTS (đánh dấu x vào ô tương ứng)			Ghi chú
							Nông nghiệp	Lâm nghiệp	Thủy sản	
A	B	C	D	E	F	G	1	2	3	H
01										
02										
03										
04										
05										
06										
07										
08										
09										
...										

Ngày tháng năm 2020
 Chi cục Thống kê.....
 (Ký, đóng dấu)

Ngày tháng năm 2020
 Người lập bảng kê
 (Ký, ghi rõ họ tên)

⁷ Chi ghi cho địa bàn khu vực nông thôn (Tổng số hộ của địa bàn)

Bảng kê trang trại

Tỉnh/thành phố trực thuộc TW:

Huyện/quận/thị xã/thành phố:

Xã/phường/thị trấn:

STT	Họ, tên chủ trang trại	Địa chỉ sản xuất của trang trại (Số nhà, thôn, phố...)	Diện tích đất của trang trại tại thời điểm lập bảng kê (ha)				Giá trị sản phẩm nông, lâm, thủy sản, muối năm 2019 (triệu đồng)
			Đất sản xuất nông nghiệp	Đất lâm nghiệp	Diện tích nuôi trồng thủy sản	Diện tích đất làm muối	
A	B	C	1	2	3	4	5
1							
2							
3							
....							

Ngày tháng năm 2020

Người lập bảng kê
(ký, ghi rõ họ, tên)

Ngày tháng năm 2020

Chi cục Thống kê
(ký, đóng dấu)

Điện thoại:

Điện thoại: